

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ - PT

Ngày: 18/4/2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh

Các thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải

Ông Nguyễn Đắc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT – HNGĐ ngày 09/11/2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/HNGĐ – ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Chí T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Phường M, quận N, Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 76 H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị H.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

1. Ông Trần Bá Học- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH hãng luật Roma – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 45 – 47 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Luật sư Công ty Luật TNHH hăng luật Hưng Yên – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Nhà số 6, ngõ 19 Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Đỗ Chí T trình bày: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) vào ngày 30/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại phòng 308, CT4 – 1 Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không giải quyết được. Từ năm 2011, chị H về làm ăn và sinh sống ở Bắc Ninh còn anh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, đã 08 năm không ai quan tâm đến ai. Nay thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân vì đã sống ly thân từ lâu nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Lê Vy, sinh ngày 01/11/2009. Anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu Vy, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh T về việc xác lập quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân là đúng. Từ năm 2011 đến nay, anh T sống tại thành phố Hồ Chí Minh còn chị sống tại thành phố B. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các lời trình bày và đơn gửi Tòa án chị xác định ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã có những quan điểm sống không phù hợp nhau. Trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau, xác định tình cảm không còn nên chị đồng ý và mong muốn ly hôn với anh T. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý ly hôn, tuy nhiên chị chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Lê Vy, sinh ngày 01/11/2009, hiện cháu Vy đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vy. Về cấp dưỡng nuôi con, ban đầu chị không yêu cầu sau đó chị lại có yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/01 tháng. Chị cho rằng cần hỏi lại ý kiến cháu Vy về nguyện vọng của

cháu sẽ ở với ai vì cháu không đồng ý để bố mẹ bỏ nhau và cháu muốn ở với cả bố và mẹ.

Về tài sản, công nợ: Trong các lời khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị H đều cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận về phần tài sản, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, chị lại yêu cầu Tòa án phân chia tài sản và công nợ chung của vợ chồng.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Chí T được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Vy, sinh ngày 01/11/2009 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 5.000.000đ kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Đỗ Lê Vy đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 27/09/2017, chị Lê Thị H kháng cáo Toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của anh T. Chị cho rằng vợ chồng vẫn thương yêu nhau và chăm sóc con cái đầy đủ, anh T không có bất cứ bằng chứng nào chứng minh cho yêu cầu ly hôn của mình, quá trình lấy lời khai của cháu Đỗ Lê Vy không đúng quy định pháp luật, Tòa án không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, các đương sự không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Sau quá trình tự do tìm hiểu, ngày 30/5/2009, anh Đỗ Chí T và chị Lê Thị H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội), do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được pháp luật công nhận.

[2] *Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:*

- Về quan hệ hôn nhân: Trong các lời khai trước phiên tòa sơ thẩm, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng chị lại không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị H sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Vì vậy, đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh Đỗ Chí T được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

- Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng, việc lấy lời khai cháu Đỗ Lê Vy của Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự chứng kiến của người đại diện hợp pháp là chị H, đúng theo quy định tại Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không cần thiết phải lấy lại lời khai của cháu Vy. Mặt khác, để phù hợp với tâm sinh lý của con gái, điều kiện hiện tại của cháu Vy. Cần giao cháu Vy cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 5.000.000đ.

- Về tài sản, công nợ chung: Đối với nguyên đơn, tại đơn khởi kiện và suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung. Đối với bị đơn, kể từ khi thụ lý sơ thẩm vụ án đến khi Tòa án sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử tại cấp sơ thẩm, chị H đều không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Về tài sản, công nợ chung, chị H xác định hai bên tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H mới đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ chung. Do vậy, Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết phần tài sản và công nợ chung của vợ chồng anh T, chị H là đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu chị H có yêu cầu giải quyết phần tài sản, công nợ

chung thì chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị H. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị H, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Chí T được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Vy, sinh ngày 01/11/2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Đỗ Lê Vy đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Anh Đỗ Chí T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh T đã nộp đủ 600.000đ theo các Biên lai thu số AA/2013/01907 ngày 21/3/2017 và AA/2014/0001713 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2017/0000375 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS Thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Minh